

KHOA KHOA HỌC KỸ THUẬT – MÁY TÍNH

TIỂU LUẬN MÔN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

ĐỀ TÀI:

Giảng viên hướng dẫn: **Lương Thị Thùy Dương**
Nhóm thực hiện: **03**
Lớp : **CĐTH 12C**

Tp.Hồ Chí Minh, Tháng 10/2010

DANH SÁCH NHÓM

MÔN HỌC : PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

NHÓM : 03

LỚP : …….

TÊN ĐỀ TÀI : HỆ THỐNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	CÔNG VIỆC
1		Nguyễn Hoàng	Sky	
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				

LỜI CẢM ƠN

Tiểu luận có thể được coi là một công trình khoa học nho nhỏ. Do vậy để hoàn tất một đề tài tiểu luận là một công việc không phải dễ đối với sinh viên chúng em. Chúng em phải tổ chức học nhóm và tìm tài liệu trên nhiều phương tiện như giáo trình, sách báo, tài liệu ở thư viện, internet… để nghiên cứu.

Vì vậy, sau khi hoàn tất tiểu luận môn Pháp luật đại cương này, chúng em xin chân thành:

- Cảm ơn Nhà trường đã tạo điều kiện tốt cho chúng em nghiên cứu và học tập.
- Cảm ơn Khoa Khoa Học và Kỹ Thuật Máy Tính - Bộ môn Pháp Luật Đại Cương đã hướng dẫn chúng em cách thức tìm hiểu và nghiên cứu tiểu luận này.
- Cảm ơn Bộ phận thư viện đã tạo điều kiện cho chúng em mượn sách và các tài liệu cũng như cho mượn phòng học nhóm để nhóm chúng em có thể học tập và làm việc một cách có hiệu quả.

Chúng em rất chân thành cám ơn và mong được thầy cô đóng góp ý kiến cho bài tiểu luận của chúng em.

MỤC LỤC

DANH SÁCH NHÓM 2

LỜI CẢM ƠN 3

MỤC LỤC 4

LỜI MỞ ĐẦU 5

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN 6

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG 7

1. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA NGHIÊN CỨU..... 7
2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU..... 7
3. BỐ CỤC..... 7

CHƯƠNG II: NỘI DUNG 8

1. TÌM HIỂU CHUNG VỀ HỆ THỐNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC..... 8
   - A. Khái Niệm:..... 8
   - B. Đặc Điểm:..... 8
   - C. Chức năng:..... 11
   - D. Mô hình Hệ thống Cơ quan Quản lý Nhà Nước..... 11
2. ĐẶC ĐIỂM, NHIỆM VỤ, CHỨC NĂNG CỦA TỪNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC..... 12
   - A. CHÍNH PHỦ:..... 12
   - B. BỘ VÀ CÁC CƠ QUAN NGANG BỘ..... 15
   - C. CÁC CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ..... 16
   - D. ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP..... 17
3. NHỮNG HẠN CHẾ VÀ KIẾN NGHỊ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC.... 21

CHƯƠNG 3: KẾT LUẬN 23

MỘT SỐ HÌNH ẢNH 24

TÀI LIỆU THAM KHẢO 25

LỜI MỞ ĐẦU

Trải qua mấy nghìn năm lịch sử, nhân dân Việt Nam lao động cần cù, sáng tạo, chiến đấu anh dũng để dựng nước và giữ nước, đã hun đúc nên truyền thống đoàn kết, nhân nghĩa, kiên cường bất khuất của dân tộc và xây dựng nên nền văn hiến Việt Nam.

Trong quá trình đổi mới đất nước, và qua các lần ban hành hiến pháp, mới nhất là hiến pháp năm 1992 và được sữa đổi năm 2002, bộ máy Nhà Nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam ngày càng toàn diện và theo đó thể chế hành chính của các cơ quan Nhà nước đã được thay đổi khá nhiều phù hợp với việc quản lý xã hội, đáp ứng được công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước XHCN và đi chung đó là hệ thống cơ quan quản lý nhà nước được toàn diện hơn, nâng cao hơn, hệ thống đó còn được gọi là hệ thống cơ quan hành chính nhà nước.

Hệ thống cơ quan quản lý hành chính đã được điều chỉnh, giảm bớt sự cồng kềnh giảm thiểu sự quan liêu để tiến tới sự một xã hội công bằng văn minh và phát triển. Việc xây dựng hệ thông các cơ quan hành chính mới không làm thay đổi hoặc suy giảm quyền lực và nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước. Mặt khác hệ thống các cơ quan quản lý được đề cao, tăng cường kiểm tra giám sát đối với từng bộ phận, hiểu được đường lối chỉ đạo hợp lý của Nhà nước và vai trò tích cực của các cơ quan quản lý Nhà nước. Chính vì vậy, hệ thống cơ quan quản lý nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam hay còn gọi là hệ thống cơ quan hành chính nhà nước ngày càng được nâng cao và hoàn chỉnh hơn. Mặt khác, hệ thống cơ quan quản lý hành chính được đề cao và tăng cường kiểm tra giám sát đối với từng bộ phận, từng lĩnh vực xã hội phát triển không thể thiếu được đường lối chỉ đạo hợp lý của Nhà nước và vai trò tích cực của các cơ quan trong Bộ máy hành chính Nhà nước và những điều đó được thể hiện rỏ trong hệ thống cơ quan hành chính.

Mong thầy cô, bạn bè đóng góp ý kiến để tiểu luận chúng em được đầy đủ và hoàn thiện hơn.

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

NHẬN XÉT:

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG

1. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA NGHIÊN CỨU

- Tìm hiểu về hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước CHXHCN Việt Nam.
- Cùng đó biết được vị trí, tính chất, quyền hạn của các Cơ quan trong hệ thống.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp luận
- Phương pháp duy vật biện chứng
- Phương pháp thống kê, lịch sử…

3. BỐ CỤC

Tiểu luận được chia làm 3 phần:

Phần I: Phần mở đầu

- Mục đích, ý nghĩa
- Phương pháp

Phần II: Nội dung

- Tìm hiểu chung về hệ thống cơ quan quản lý nhà nước.
- Đặc điểm, nhiệm vụ, chức năng của từng cơ quan quản lý nhà nước.

Phần III: Kết luận

CHƯƠNG II: NỘI DUNG

1. TÌM HIỂU CHUNG VỀ HỆ THỐNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC.

A. Khái Niệm:

Bộ máy quản lý Nhà nước theo hiến pháp 1980 cũng như hiến pháp 1992 là một trong bốn hệ thống cơ quan Nhà nước. Như vậy, đứng về mặt hệ thống, các cơ quan trong bộ máy nhà nước ta gồm:

- Cơ quan quyền lực
- Cơ quan quản lý
- Cơ quan kiểm sát
- Cơ quan tòa án

Trong đó, các cơ quan quản lý Nhà nước là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực, được tổ chức thành một hệ thống chặt chẽ từ Trung ương đến địa phương và cơ sở để trực tiếp quản lý, điều hành các mặt hoạt động của đời sống xã hội.

Như vậy, trong mối quan hệ và mối phân định với hoạt động của cơ quan quyền lực, cơ quan kiểm sát, cơ quan xét xử thì khái niệm quản lý Nhà nước (hoạt động chấp hành và điều hành, hoạt động hành pháp). Vì vậy, chúng là chủ thể cơ bản của luật hành chính.

B. Đặc Điểm:

Luật Việt nam đặt vai trò của cơ quan lập pháp rất lớn, không chỉ thiết lập ra các hệ thống cơ quan khác mà còn là cơ quan chỉ đạo, giám sát chung. Tuy nhiên, cơ quan chấp hành của Quốc hội là Chính phủ (cơ quan hành chính nhà nước cao nhất), cũng có vai trò rất quan trọng trong việc quản lý nhà nước và

thực thi các văn bản mà Quốc hội ban hành. Hệ thống cơ quan đứng đầu là Chính phủ, thực hiện chức năng hành pháp là cơ quan hành chính nhà nước.

Như vậy, cơ quan hành chính nhà nước là một loại cơ quan trong bộ máy nhà nước được thành lập theo hiến pháp và pháp luật, để thực hiện quyền lực nhà nước, có chức năng quản lý hành chính nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Cơ quan hành chính nhà nước là một loại cơ quan nhà nước, là một bộ phận cấu thành bộ máy nhà nước. Do vậy, cơ quan hành chính nhà nước cũng mang đầy đủ các đặc điểm chung của các cơ quan nhà nước.

- Một là, Cơ quan hành chính nhà nước hoạt động mang tính quyền lực nhà nước, được tổ chức và hoạt động trên nguyên tắc tập trung dân chủ.
- Hai là, Mỗi cơ quan hành chính nhà nước đều hoạt động dựa trên những quy định của pháp luật, có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền nhất định và có những mối quan hệ phối hợp trong thực thi công việc được giao.
- Ba là, Về mặt thẩm quyền thì cơ quan hành chính nhà nước được quyền đơn phương ban hành văn bản quy phạm pháp luật hành chính và văn bản đó có hiệu lực bắt buộc đối với các đối tượng có liên quan; cơ quan hành chính nhà nước có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với các đối tượng chịu sự tác động,quản lý của cơ quan hành chính nhà nước.

Ngoài những đặc điểm chung nói trên, cơ quan hành chính nhà nước còn có những đặcđiểm riêng như sau:

- **Một là,** Cơ quan hành chính nhà nước có chức năng quản lý hành chính nhà nước, thực hiện hoạt động chấp hành và điều hành trên mọi

lĩnh vực của đời sống xã hội, trong khi đó các cơ quan nhà nước khác chỉ tham gia vào hoạt động quản lý trong phạm vi, lĩnh vực nhất định.

Ví dụ: *Quốc hội có chức năng chủ yếu trong hoạt động lập pháp; Toà án có chức năng xét xử; Viện kiểm sát nhân dân có chức năng kiểm sát.*

- **Hai là,** Cơ quan hành chính nhà nước nói chung là cơ quan chấp hành, điều hành của cơ quan quyền lực nhà nước. Cơ quan hành chính nhà nước chỉ tiến hành các hoạt động để chấp hành Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị quyết của cơ quan quyền lực nhà nước trong phạm vi hoạt động chấp hành,điều hành của nhà nước.
- **Ba là,** Cơ quan hành chính nhà nước là hệ thống cơ quan có mối liên hệ chặt chẽ, thốngnhất.

Cơ quan hành chính nhà nước là một hệ thống cơ quan được thành lập từ trung ương đến cơ sở, đứng đầu là chính phủ, tạo thành một chỉnh thể thống nhất, được tổ chức theo hệ thống thứ bậc, có mối quan hệ mật thiết phụ thuộc nhau về tổ chức và hoạt động nhằm thực thi quyền quản lý hành chính nhà nước và đều có các đơn vị cơ sở trực thuộc, đó cũng là nơi tạo ra của cải vật chất và tinh thân cho xã hội.

Ví dụ: *Bộ Công an có các đơn vị, Bộ Giáo dục- đào tạo có các đơn vị, các trường Đại học trực thuộc …*

- **Bốn là,** Hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước mang tính thường xuyên, liên tục và tương đối ổn định, là cầu nối đưa đường lối, chính sách pháp luật vào cuộc sống.

Tất cả các cơ quan hành chính nhà nước có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, đó là mối quan hệ trực thuộc trên-dưới, trực thuộc ngang-dọc, quan hệ chéo...tạo thành một hệ thống thống nhất mà trung tâm chỉ đạo là Chính phủ.

 Năm là, Cơ quan hành chính nhà nước có chức năng quản lý nhà nước dưới hai hình thức là ban hành các văn bản quy phạm và văn bản cá biệt trên cơ sở hiến pháp, luật, pháp lệnh và các văn bản của các cơ quan hành chính nhà nước cấp trên nhằm chấp hành, thực hiện các văn bản đó. Mặt khác trực tiếp chỉ đạo, điều hành, kiểm tra...hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước dưới quyền và các đơn vị cơ sở trực thuộc của mình.

Cơ quan hành chính nhà nước là chủ thể cơ bản, quan trọng nhất của Luật hành chính.

Tóm lại, cơ quan hành chính nhà nước là bộ phận cấu thành của bộ máy nhà nước, trực thuộc cơ quan quyền lực nhà nước một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, trong phạm vi thẩm quyền của mình thực hiện hoạt động chấp hành - điều hành và tham gia chính yếu vào hoạt động quản lý nhà nước, có cơ cấu tổ chức và phạm vi theo luật định.

C. Chức năng:

Các cơ quan quản lý nhà nước hay còn gọi là cơ quan hành chính được tổ chức và hoạt động trên cơ sở pháp luật và để thực hiện pháp luật.

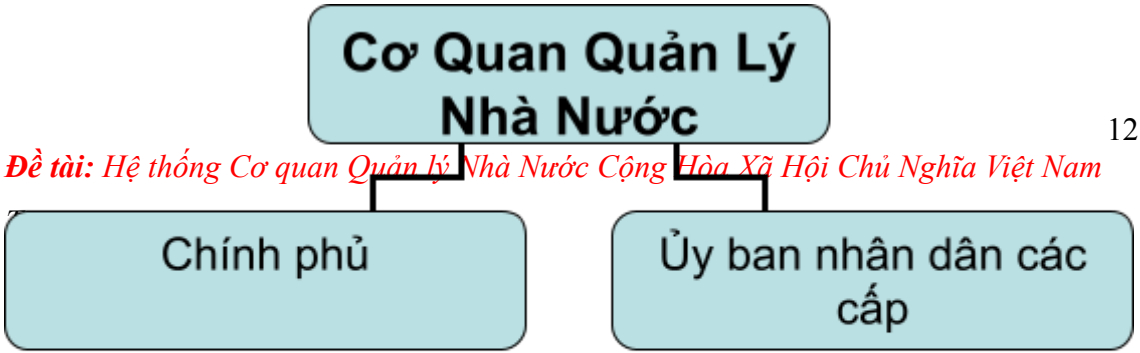
Trong quá trình hoạt động có quyền ban hành các quyết định hành chính thể hiện dưới hình thức là các văn bản pháp quy và các văn bản cá biệt.

Được thành lập theo quy định của Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh hoặc theo quyết định của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

Được đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước cùng cấp và báo cáo hoạt động trước cơ quan quyền lực nhà nước cùng cấp.

Có tính độc lập và sáng tạo trong tác nghiệp điều hành nhưng theo nguyên tắc tập trung dân chủ,nguyên tắc quyền lực phục tùng.

D. Mô hình Hệ thống Cơ quan Quản lý Nhà Nước



2. ĐẶC ĐIỂM, NHIỆM VỤ, CHỨC NĂNG CỦA TỪNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

A. CHÍNH PHỦ:

a. **Vị trí và tính chất:**

Tại điều 109 của hiến pháp 1992 đã quy định: "Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước; bảo đảm hiệu lực của bộ máy Nhà nước từ trung ương đến cơ sở; bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp và pháp luật; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm ổn định và nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác với Quốc hội, Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước."

b. **Cơ cấu tổ chức của chính phủ:**

Cơ cấu tổ chức của Chính phủ bao gồm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan của Chính phủ do Quốc hội quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.

Thành phần của Chính phủ bao gồm Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ.

Chính phủ hiện nay có nhiệm kỳ kéo dài từ năm 2007 đến năm 2011, được Quốc hội khóa XII (2007-2011) phê chuẩn trong kỳ họp lần thứ nhất vào cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 2007. Một vài vị trí có thay đổi sau đó do công tác luân chuyển cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tất cả các thành viên Chính phủ đều là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó 6 người là Ủy viên Bộ Chính trị.

Thứ tự	Chức vụ	Tên	Chức vụ trong Đảng CSVN	Ghi chú

1	Thủ tướng	Nguyễn Tấn Dũng	UV Bộ Chính trị	
2	Phó Thủ tướng	Nguyễn Sinh Hùng	UV Bộ Chính trị	Phó Thủ tướng thường trực
3	Phó Thủ tướng	Phạm Gia Khiêm	UV Bộ Chính trị	kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
4	Phó Thủ tướng	Trương Vĩnh Trọng	UV Bộ Chính trị	
5	Phó Thủ tướng	Hoàng Trung Hải	UV Trung ương Đảng	
6	Phó Thủ tướng	Nguyễn Thiện Nhân	UV Trung ương Đảng	kiêm Bộ trưởng Bộ Giáo dục-Đào tạo
7	Bộ trưởng Bộ Quốc phòng	Phùng Quang Thanh	UV Bộ Chính trị	
8	Bộ trưởng Bộ Công an	Lê Hồng Anh	UV Bộ Chính trị	
9	Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	Phạm Gia Khiêm	UV Bộ Chính trị	
10	Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Trần Văn Tuấn	UV Trung ương Đảng	
11	Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Hà Hùng Cường	UV Trung ương Đảng	
12	Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Võ Hồng Phúc	UV Trung ương Đảng	
13	Bộ trưởng Bộ Tài chính	Vũ Văn Ninh	UV Trung ương Đảng	
14	Bộ trưởng Bộ Công Thương	Vũ Huy Hoàng	UV Trung ương Đảng	
15	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cao Đức Phát	UV Trung ương Đảng	
16	Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải	Hồ Nghĩa Dũng	UV Trung ương Đảng	
17	Bộ trưởng Bộ Xây dựng	Nguyễn Hồng Quân	UV Trung ương Đảng	
18	Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Phạm Khôi Nguyên	UV Trung ương Đảng	
19	Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông	Lê Doãn Hợp	UV Trung ương Đảng	

20	Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Nguyễn Thị Kim Ngân	UV Trung ương Đảng	
21	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hoàng Tuấn Anh	UV Trung ương Đảng	
22	Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Hoàng Văn Phong	UV Trung ương Đảng	
23	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nguyễn Thiện Nhân	UV Trung ương Đảng	
24	Bộ trưởng Bộ Y tế	Nguyễn Quốc Triệu	UV Trung ương Đảng	
25	Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc	Giàng Seo Phử	UV Trung ương Đảng	
26	Tổng Thanh tra Chính phủ	Trần Văn Truyền	UV Trung ương Đảng	
27	Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ	Nguyễn Xuân Phúc	UV Trung ương Đảng	
28	Thống đốc Ngân hàng Nhà nước	Nguyễn Văn Giàu	UV Trung ương Đảng	

c. **Nhiệm vụ và quyền hạn của chính Phủ:**

Những nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản của Chính phủ được quy định tại Điều 112 của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi và bổ sung năm 2001), bao gồm 6 nhóm:

- Bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật. Trình dự án luật, pháp lệnh và các dự án khác trước Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Lãnh đạo công tác của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, kiện toàn hệ thống bộ máy hành chính Nhà nước từ trung ương tới cơ sở.

- Kiểm tra việc Hội đồng nhân dân thực hiện các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên; tạo điều kiện cho Hội đồng nhân dân làm việc.
- Thống nhất việc quản lý và phát triển nền kinh tế quốc dân.
- Củng cố và tăng cường quốc phòng.
- v.v....

Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế do Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng trình bày đã thừa nhận việc điều hành vĩ mô của Chính phủ vẫn còn những hạn chế, tồn tại. Nhất là trong xây dựng thể chế, triển khai, kiểm tra thực hiện các chính sách và trong điều hòa, phối hợp giữa các ngành, các cấp. Phản ứng chính sách trong quản lý thị trường ngoại hối, thị trường vàng, thị trường bất động sản còn lúng túng và chậm.

Việc xử lý những vấn đề xã hội bức xúc như nạn chặt phá và cháy rừng, lãng phí tài nguyên, ô nhiễm môi trường vệ sinh an toàn thực phẩm, ùn tắc giao thông… cũng được Phó Thủ tướng thừa nhận hiệu quả chưa cao.

Từ một loạt các hạn chế trong điều hành, Chính phủ đã báo cáo về tình trạng nhập siêu lớn nên cán cân thanh toán tổng thể vẫn còn khó khăn. Chỉ số giá tiêu dùng 4 tháng đầu năm 2010 tăng tới 4,27% so với tháng 12/2009.

Theo báo cáo, năm 2009 là năm mà GDP thấp nhất trong 10 năm gần đây. Công nghiệp và xây dựng tuy đã vượt qua khó khăn, trì trệ nhưng vẫn tăng trưởng ở mức thấp bằng khoảng 2/3 mức tăng trưởng bình quân thời kỳ 2000-2007. Năng suất lao động, chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hoá, của doanh nghiệp và nền kinh tế còn thấp.

Lãi suất ngân hàng sau khi Nhà nước dừng các khoản hỗ trợ, đang đứng ở mức cao đã hạn chế khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp, nhất là doanhh nghiệp vừa và nhỏ.

"Hệ thống các định chế tài chính như ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm chưa thật lành mạnh, tính công khai, minh bạch thấp, còn tiềm ẩn rủi ro", Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng nhấn mạnh.

Tính chung trong số 25 chỉ tiêu của năm 2009 có 8 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra.

Trước thực trạng đó, Chính phủ đã đề ra nhiệm vụ hàng đầu là thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, góp phần phục hồi tăng trưởng kinh tế vững chắc. Theo đó, Chính phủ sẽ áp dụng một loạt các biện pháp kinh tế, trước hết là sử dụng công cụ chính sách tiền tệ như lãi suất chiết khấu, lãi suất tái cấp vốn, thị trường mở… để giảm mặt bằng lãi suất.

Năm nay, Chính phủ cũng quyết tâm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đầu tư, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6,5%.

Mục tiêu đón 4,2 triệu khách quốc tế trong năm 2010 cũng được Chính phủ đề ra trong kỳ họp Quốc hội này, nhằm đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng GDP.

Đây mạnh cải cách hành chinh

Về vấn đề này Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng cũng nhấn mạnh, trong thời gian tới Chính phủ sẽ triển khai quyết liệt các phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính đã được thông qua. Chính phủ hoan nghênh chương trình giám sát của Quốc hội về công tác đơn giản hoá thủ tục hành chính trong năm 2010.

Tổ chức tổng kết Chương trình cải cách hành chính 10 năm (2001 - 2010) và xây dựng Chương trình cải cách hành chính 10 năm tiếp theo (2011 - 2020), bảo đảm cải cách hành chính phải gắn với chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và quan tâm giải quyết các vấn đề bức xúc của doanh nghiệp và của công dân.

Tổng kết thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường. Sớm kiện toàn bộ máy chính quyền địa phương sau Đại hội Đảng các cấp, chuẩn bị cho cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016 và chuẩn bị cơ cấu tổ chức bộ máy Chính phủ khoá XIII.

Tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011- 2020 và Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, hài hoà giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; đồng thời, phải quán triệt tinh thần tiết kiệm triệt để trong sản xuất, đầu tư và tiêu dùng ngay từ khâu xây dựng kế hoạch.

B. BỘ VÀ CÁC CƠ QUAN NGANG BỘ

a. Vị trí, tính chất, nhiệm vụ và quyền hạn

"Bộ, chính quyền ngang bộ là chính quyền của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với ngành hoặc lĩnh vực công tác trong phạm vi cả nước" (Điều 22 Luật tổ chức Chính phủ, thông qua ngày 30/9/1992, Điều 1 Nghị quyết số 15 Công ty cổ phần vật liệu và xây lắp Nghĩa Hưng của Chính phủ ngày 2/3/1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ).

Các cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương (sau đây gọi chung là "Bộ" thực hiện chức năng "quản lý Nhà nước của bộ và hoạt động của các tổ chức kinh doanh sự nghiệp" Điều 2 Nghị định số 15/CP). Đặc biệt, Hiến pháp 1992 quy định rõ trách nhiệm của Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ phải "bảo đảm quyền tự chủ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ sở theo quy định của pháp luật" (Điều 116)

Như vậy vị trí và tính chất pháp lý của Bộ được quy định khá rõ ràng trong các văn bản luật của Nhà nước. Để có những quyền hạn cụ thể để quản lý được tốt, Luật ban hành văn bản quy định pháp luật đã trao thẩm quyền cho Bộ trưởng, Thủ tướng chính quyền ngang Bộ, Thủ tướng cơ quan thuộc Bộ, Thủ tướng cơ quan Chính phủ "căn cứ vào Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ tướng cơ quan ngang Bộ, Thủ tướng cơ quan thuộc Chính phủ ban hành Quyết định, Chỉ thị, Thông tư".

Để thực hiện các quyền hạn của mình ngoài việc ban hành văn bản thì việc đồng thời với nó là Bộ trưởng và Thủ tướng các cơ quan quản lý ngành và lĩnh vực thuộc Chính phủ phải kiểm tra việc thi hành các văn bản đó với tất cả các ngành, các địa phương và cơ sở. Những Quyết định, Chỉ thị, Thông tư trái pháp luật của Bộ trưởng và Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ thì bị Thủ tướng đình chỉ hoặc bãi bỏ.

b. **Cơ cấu tổ chức:**

Các tổ chức giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước gồm:

Vụ;

Văn phòng;

Thanh tra;

Cục;

Tổng cục và tương đương;

Cơ quan đại diện của Bộ ở địa phương và ở nước ngoài.

Không nhất thiết các Bộ, cơ quan ngang Bộ có tổ chức quy định tại các điểm d, đ, e khoản 1 Điều này.

Các tổ chức sự nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ.

Các tổ chức sự nghiệp nhà nước được quy định tại nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ chỉ bao gồm các tổ chức sự nghiệp phục vụ quản lý nhà nước và báo, tạp chí, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của Bộ.

Các tổ chức sự nghiệp khác hiện có đã được cấp có thẩm quyền thành lập, Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách các tổ chức sự nghiệp đó.

Số lượng cấp phó của người đứng đầu các tổ chức thuộc Bộ quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này không quá 03 người.

Các vụ, cục, tổng cục và tương đương về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc Bộ được quy định cụ thể tại nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Danh sách các bộ và cơ quan ngang bộ của Chính phủ

Bộ	Các cơ quan ngang bộ
1. Bộ Quốc phòng 2. Bộ Công an 3. Bộ Ngoại giao 4. Bộ Xây dựng 5. Bộ Tư pháp 6. Bộ Tài chính 7. Bộ Công thương 8. Bộ Giao thông Vận tải 9. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội 10. Bộ Thông tin và Truyền thông 11. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 12. Bộ Giáo dục và Đào tạo 13. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 14. Bộ Kế hoạch và Đầu tư 15. Bộ Y tế 16. Bộ Nội vụ 17. Bộ Khoa học và Công nghệ 18. Bộ Tài nguyên và Môi trường	1. Thanh tra Chính phủ 2. Ngân hàng Nhà nước 3. Văn phòng Chính phủ 4. Ủy ban dân tộc 5. Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc Gia

C. CÁC CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ

a. Vị trí,chức năng ,nhiệm vụ và quyền hạn

Cơ quan thuộc Chính phủ do Chính phủ thành lập, bao gồm : Cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.

Cơ quan thuộc Chính phủ hoạt động sự nghiệp để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của Chính phủ hoặc thực hiện một số dịch vụ công có đặc điểm, tính chất quan trọng mà Chính phủ phải trực tiếp chỉ đạo; thực hiện một số nhiệm vụ,

quyền hạn cụ thể về đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật. (Nghị định số 30/2003/NĐ-CP ngày 01/4/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan thuộc Chính phủ)

Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ là người đứng đầu và lãnh đạo một cơ quan thuộc Chính phủ; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, trước Chính phủ về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan mình; Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ không ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Việc ký ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện quản lý nhà nước đối với những vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực mà cơ quan thuộc Chính phủ đang quản lý do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b. **Danh sách các cơ quan thuộc Chính Phủ**

- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
- Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Thông tấn xã Việt Nam
- Đài Tiếng nói Việt Nam
- Đài Truyền hình Việt Nam
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
- Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

D. ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP

a. **Vị trí, tính chất của ủy ban nhân dân**

Tại điều 123 của hiến pháp 1992 có quy định: "Ủy ban nhân dan các cấp do hội đồng nhân dân bầu ra, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính của nhà nước ở địa phương, Chịu trách nhiệm chấp hành hiến pháp, luật, ccs văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân".

Ủy ban nhân dân là loại cơ quan song trùng trực thuộc, vừa là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, vừa chịu sự lãnh đạo của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên trực tiếp.

b. **Cơ cấu tổ chức của ủy Ban nhân dân**

Người đứng đầu Ủy ban nhân dân là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thường là phó bí thư cấp tương ứng. Quyền hạn của Ủy ban nhân dân được quy định tại Hiến pháp và Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Ủy ban nhân dân các cấp có các cơ quan giúp việc như: Sở (cấp tỉnh), Phòng (cấp huyện), Ban (cấp xã).

Chủ tịch ủy ban nhân dân là do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra, là người lãnh đạo điều hành công việc của Ủy ban nhân dân.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cũng do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra, là người gúp việc cho Chủ tịch.

Các thành viên khác của Ủy ban nhân dân cũng do hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra theo sự giới thiệu của chủ tịch Ủy ban nhân dân . Có nhiệm vụ phụ trách, quản lý những ngành, lĩnh vực chuyên môn nhất định.

- **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

Đây là chính quyền của các địa phương cấp tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh có từ 11 đến 17 thành viên, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, 1 ủy viên thư ký và các ủy viên khác. Thường trực Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, và ủy viên thư ký. Người đứng đầu chính quyền địa phương cấp tỉnh là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân. Trên danh nghĩa, vị trí này do Hội đồng Nhân dân tỉnh quyết định bằng bầu cử theo hình thức bỏ phiếu. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh thường đồng thời là một Phó

Bí thư Tỉnh ủy. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân của hai thành phố trực thuộc trung ương lớn nhất là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh sẽ đồng thời là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bộ máy giúp việc của chính quyền địa phương cấp tỉnh gồm Văn phòng UBND và các sở, ban, ngành, chia thành các khối:

- Khối tổng hợp: Văn phòng UBND, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ (trước kia là Ban Tổ chức chính quyền).
- Khối nội chính: Sở Tư pháp, Thanh tra. Ngoài ra, các cơ quan sau đây chịu sự chỉ đạo theo ngành dọc, mà không trực thuộc UBND: Công an tỉnh, Tòa án Nhân dân, Viện Kiểm sát Nhân dân, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.
- Khối lưu thông phân phối: Sở Công Thương, Sở Tài chính (trong đó có Kho bạc Nhà nước). Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành chịu sự chỉ đạo theo ngành dọc, mà không trực thuộc UBND.
- Khối nông lâm nghiệp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và môi trường
- Khối công nghiệp: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và công nghệ (trong đó có Cục Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng).
- Khối văn hóa xã hội: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Số Sở, ban thuộc UBND cấp tỉnh là 19, trong đó cơ cấu là 17 Sở, ban. bao gồm các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Lao động- Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể

thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế; Thanh tra tỉnh; Văn phòng UBND.

Hai Sở được tổ chức theo đặc thù của từng địa phương là các Sở: Ngoại vụ, Quy hoạch và Kiến trúc

- **Ủy ban nhân dân cấp huyện**

Đây là chính quyền của các địa phương cấp huyện, quận, thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã.

Ủy ban Nhân dân cấp huyện có từ 9 đến 13 thành viên, gồm Chủ tịch, 2-3 Phó Chủ tịch, 1 thư ký và các ủy viên.

Thường trực Ủy ban Nhân dân cấp huyện gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thư ký.

Người đứng đầu Ủy ban Nhân dân cấp huyện là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân, trên danh nghĩa là do Hội đồng Nhân dân huyện sở tại lựa chọn. Thông thường, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện sẽ đồng thời là một Phó Bí thư Huyện ủy.

Các cơ quan giúp việc của chính quyền địa phương cấp huyện thông thường gồm các phòng, ban trực thuộc: Văn phòng UBND, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nội vụ, Phòng Tài nguyên - môi trường, Phòng Công thương, Phòng Nông nghiệp-PTNT, Phòng Tư pháp, Phòng Giáo dục- Đào tạo, Phòng Y tế, Phòng Lao động- Thương binh xã hội, Thanh tra huyện, Phòng Văn hóa - thông tin.

Một số cơ quan nhà nước ở cấp huyện như Chi cục Thuế, Chi cục Thống kê, Ban chỉ huy Quân sự Huyện, Công an Huyện, v.v... không phải là cơ quan của chính quyền địa phương cấp huyện mà là cơ quan của chính quyền trung ương đặt tại huyện (theo ngành dọc).

- **Ủy ban nhân dân cấp xã**

Đây là chính quyền của các đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn, phường. Ủy ban Nhân dân cấp xã là cấp chính quyền địa phương cấp cơ sở, gần dân nhất ở Việt Nam.

Ủy ban Nhân dân cấp xã có từ 7 đến 9 thành viên, gồm Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch, 1 thư ký và các ủy viên.

Thường trực Ủy ban Nhân dân cấp xã gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thư ký. Người đứng đầu Ủy ban Nhân dân cấp xã là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân. Về danh nghĩa, người này do Hội đồng Nhân dân của xã, thị trấn hay phường đó bầu ra bằng hình thức bỏ phiếu kín. Thông thường, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã, thị trấn hay phường sẽ đồng thời là một Phó Bí thư Đảng ủy của xã, thị trấn hay phường đó.

Ủy ban Nhân dân xã hoạt động theo hình thức bán chuyên trách, còn Ủy ban Nhân dân thị trấn hay phường hoạt động theo hình thức chuyên trách.

Bộ máy giúp việc của Ủy ban Nhân dân cấp xã có Văn phòng, Ban Tư pháp, Ban Văn hóa, Ban Công an.

- **Ủy ban Hành chính**

Tiền thân của Ủy ban Nhân dân các cấp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam chính là Ủy ban Hành chính của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945-1976). Các cơ quan giúp việc của Ủy ban Hành chính cấp tỉnh đa số được gọi là Ty, số ít gọi là Ban (Ban Tổ chức chính quyền, Ban Bảo vệ bà mẹ trẻ em) hoặc Chi cục (Chi cục Hải quan, Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Thống kê).

c. **Nhiệm Vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân.**

Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương, góp phần bảo đảm sự chỉ đạo, quản lý thống nhất trong bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương tới cơ sở.

Phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp trên để quản lý ngân sách nhà nước trong địa bàn của mình, quản lý việc sử dụng đất đai, tài nguyên, bảo vệ các công trình vừa và nhỏ, hệ thống đê điều, các công trình phòng chống

1. Các mặc hạn chế của HĐND và UBND

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cũng chỉ ra những hạn chế, bất cập trong hoạt động của HĐND và UBND các cấp thời gian qua như công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, điều hành ở một số địa phương

hiệu lực, hiệu quả vẫn chưa cao, vẫn chưa kịp thời bám sát sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Công tác quy hoạch, kế hoạch, triển khai các chương trình, dự án, nhất là khâu tổ chức thực hiện còn nhiều hạn chế. Nhiều dự án triển khai thực hiện không theo quy hoạch, không đúng tiến độ, để kéo dài, gây lãng phí, thất thoát còn xảy ra ở nhiều địa phương. Quản lý tài nguyên, đất đai, khoáng sản còn nhiều yếu kém; việc thực hiện phân cấp tuy đã phát huy được tính năng động, sáng tạo của địa phương nhưng cũng đã bộc lộ những vấn đề cần phải điều chỉnh. Bộ máy tổ chức UBND các cấp bước đầu được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, song không ít nơi hiệu lực, hiệu quả vẫn còn hạn chế và cũng đã nảy sinh những vướng mắc mới cần phải tổng kết, đánh giá và có điều chỉnh phù hợp…".

3. NHỮNG HẠN CHẾ VÀ KIẾN NGHỊ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC.

Theo Hiến pháp năm 1992 đã có nhiều điểm thay đổi, tiến bộ phù hợp với công tác quản lý của các cơ quan quản lý Nhà nước. Song riêng vấn đề ban hành các văn bản pháp lý thì còn nhiều chỗ bất cập đó là:

Hiến pháp 1992 đã bỏ qua những khía cạnh quan trọng trong quan hệ giữa văn bản của Chính phủ và Chủ tịch nước. Theo điều 115 văn bản của Thủ tướng Chính phủ vẫn phải phù hợp với văn bản của Chủ tịch nước, nhưng khi nó không phù hợp thì lại không quy định cơ quan nào có thẩm quyền đình chỉ hoặc bãi bỏ. Chủ tịch nước không có quyền này (điều 113).

Mặt khác, tương quan về hiệu lực pháp lý giữa văn bản của Chính phủ và Thủ tướng lại không rõ. Đây cũng là điểm mắc mớ quan trọng trong "bước chuyển" sang nguyên tắc kết hợp chế độ tập thể lãnh đạo và chế độ Thủ trưởng đối với Chính phủ trong hiến pháp 1992.

Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương thì Bộ, các cơ quan chuyên môn của Bộ và các cơ quan khác trực thuộc Bộ đặt tại địa phương phải chấp hành các quy định của UBND các cấp về vấn đề thuộc chức năng quản lý theo lãnh thổ như: an ninh, trật tự an toàn công cộng, bảo vệ môi trường đất đai… nhưng trong thực tiễn quản lý vẫn còn nhiều mâu thuẫn giữa Bộ và UBND rất phức tạp, khó giải quyết.

Các cơ quan quản lý Nhà nước ở địa phương thì việc ban hành văn bản pháp luật thì cả Hiến pháp 1992 và luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 1996 (sửa đổi bổ sung 2002) chưa quy định rõ ràng Việt Nam bản nào là của tập thể UBND và văn bản nào là của Chủ tịch UBND.

Trên đây là những điểm hạn chế với việc ban hành và thực thi các văn bản pháp luật của các cơ quan Nhà nước - đây cũng chính là những kiến nghị với các cơ quan quyền lực Nhà nước cần xem xét và quy định sao cho phù hợp với từng chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan để các cơ quan quản lý xã hội được tốt trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3: KẾT LUẬN

Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước hay còn gọi là hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, đó là tổng hợp những quyền và nghĩa vụ trong từng lĩnh vực quản lý của nhà nước.

Hệ thống này rất quan trọng bởi vì nó đã thể hiện chỗ đứng, vị trí, quyền hạn đối với lĩnh vực mà nhà nước điều chỉnh. Có những quyền và nghĩa vụ cụ thể thì các cơ quan quản lý mới góp phần và đảm bảo cho xã hội được tốt hơn.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng khai mạc kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa 12





Họp báo Chính phủ thường kỳ tháng 8/2010

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại buổi khai mạc kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XII



Trong năm 2009, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đưa ra nhiều quyết sách quan trọng, đưa đất nước vượt qua khó khăn - Ảnh các phiên họp Chính phủ thường kỳ (Ảnh Chinhphu.vn)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hiến Pháp 1992
- Luật tổ chức Chính phủ
- Luật tổ chức Quốc hội
- Luật ban hành văn bản vi phạm pháp luật 1996 (sửa đổi bổ sung 2002)
- Nghị định số 15/Công ty cổ phần vật liệu và xây lắp Nghĩa Hưng của Chính phủ ngày 2/3/1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ.
- Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND các cấp.
- Giáo trình pháp luật dùng cho sinh viên trung cấp trường ĐH Công Nghiệp TP.HCM